

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước do:
 - Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng bán thành phẩm bao bì cho Công ty TNHH Đại Tây Dương.
 - Công ty có ký hợp đồng để Công ty TNHH Đại Tây Dương thực hiện bán thành phẩm cho Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	3-6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, Công ty Cổ Phần Nam Việt có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản là 20% trên thu nhập chịu thuế, Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Cục thuế Tỉnh An Giang đã chấp nhận cho Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2002.

Trong các lần mở rộng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty Cổ Phần Nam Việt đều được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất. Ngày 14 tháng 8 năm 2006, Công ty Cổ Phần Nam Việt có Công văn gửi cho Cục thuế Tỉnh An Giang kiến nghị để được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Ngày 28 tháng 11 năm 2006 trả lời chấp nhận Công ty Cổ Phần Nam Việt được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho các ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/03/2009 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

	% sở hữu trong giấy phép của công ty con
Công ty TNHH Ân Độ Dương	100%
Công ty TNHH Cromit Nam Việt	51%

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Tiền mặt	8.405.811.144	2.061.896.677
Tiền gửi ngân hàng	15.307.285.018	57.088.866.218
Các khoản tương đương tiền		37.739.871.000
Cộng	<u>23.713.096.162</u>	<u>96.890.633.895</u>

2. Các khoản phải thu

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Phải thu trong nước	100.872.643.133	210.664.415.672
Phải thu nước ngoài	205.837.899.712	258.930.555.420
Phải thu nội bộ (*)	361.966.544.120	400.939.769.538
Cho vay nội bộ	0	70.384.707.800
Trả trước người bán	31.066.834.666	12.884.435.064
Các khoản phải thu khác	38.087.587.544	20.943.611.558
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.905.880.626)	(10.905.880.626)
Cộng	<u>726.925.628.549</u>	<u>963.841.614.426</u>

(*) Các khoản phải thu nội bộ:

1- Phải thu bán các thành phẩm	55.175.135.865
2- Phải thu bán vật tư, nguyên liệu	162.516.659.873
3- Phải thu từ các khoản trả hộ	82.100.496.749
4- Phải thu phí XK uỷ thác	42.639.212.800
5- Phải thu vật tư cho mượn	18.267.021.196
6- Phải thu khác	<u>1.268.017.637</u>
	361.966.544.120

3. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Nguyên vật liệu	14.869.850.839	17.995.921.151
Công cụ dụng cụ	4.632.208.802	5.929.167.348
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.338.671	74.578.703
Thành phẩm	613.619.909.565	677.642.837.791
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(62.819.221.821)	(62.819.221.821)
Cộng	<u>570.318.086.056</u>	<u>638.823.283.172</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Tạm ứng mua hàng	20.566.688.502	23.542.967.489
Ký quỹ	83.187.300	83.187.300
Cộng	<u>20.649.875.802</u>	<u>23.626.154.789</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày					
31/12/2008	197.491.381.123	404.448.676.488	18.650.426.887	9.169.125.064	629.759.609.562
Tăng trong kỳ	2.548.643.523	4.988.421.006	-	322.834.268	7.859.898.797
Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
Giảm khác					
Tại ngày					
31/03/2009	<u>200.040.024.646</u>	<u>409.437.097.494</u>	<u>18.650.426.887</u>	<u>9.491.959.332</u>	<u>637.619.508.359</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày					
31/12/2008	50.119.208.109	80.814.626.043	7.553.439.496	3.250.305.185	141.737.578.833
Tăng trong kỳ	7.706.804.555	12.485.185.802	734.730.111	540.159.714	21.466.880.182
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		(13.614.468)			(13.614.468)
Giảm khác					
Tại ngày					
31/03/2009	<u>57.826.012.664</u>	<u>93.286.197.377</u>	<u>8.288.169.607</u>	<u>3.790.464.899</u>	<u>163.190.844.547</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	147.372.173.014	323.633.632.263	11.096.987.391	5.919.238.061	488.022.030.729
Số dư cuối năm	142.214.011.982	316.150.900.117	10.362.257.280	5.701.494.433	474.428.663.812

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2008	16.183.967.822	148.538.500	16.332.506.322
Tăng trong kỳ			
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 31/03/2009	<u>16.183.967.822</u>	<u>148.538.500</u>	<u>16.332.506.322</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2008		122.634.540	122.634.540
Tăng trong kỳ		4.856.993	4.856.993
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 31/03/2009		<u>127.491.533</u>	<u>127.491.533</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.183.967.822	25.903.960	16.209.871.782
Số dư cuối năm	16.183.967.822	21.046.967	16.205.014.789

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2008	<u>99.904.083.341</u>
Tăng trong kỳ	16.981.538.177
Chuyển sang tài sản cố định	4.368.795.257
Tại ngày 31/03/2009	<u>112.516.826.261</u>

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Đầu tư chứng khoán (1*)	155.200.000.000	155.200.000.000
Đầu tư trái phiếu (2*)	10.000.000	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác (3*)	123.980.500.000	143.980.500.000
DP giảm giá ĐTTTC dài hạn	(11.239.280.000)	(11.239.280.000)
Cộng	<u>267.951.220.000</u>	<u>287.951.220.000</u>

(*) Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long	20.200.000.000	2.000.000	10.000
2- Ngân Hàng TM CP Nông Thôn Mỹ Xuyên	135.000.000.000	54.000	1.000.000
(2*) Kho Bạc Nhà Nước Tỉnh An Giang	10.000.000	-	-
(3*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43.200.000.000	-	-
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20.000.000.000	-	-
3- Góp Vốn Cty TNHH XD-SX-TM Tài Nguyên	45.780.500.000	-	-
4- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10.000.000.000	-	-
5- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5.000.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**9. Tài sản dài hạn khác**

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Chi phí trả trước dài hạn	160.678.699	181.783.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.278.433.421	4.278.433.421
Ký quỹ để đảm bảo tiền vay của Quỹ đầu tư phát triển	23.400.000.000	23.400.000.000
Cộng	<u>27.839.112.120</u>	<u>27.860.217.116</u>

10. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển	186.700.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng ANZ HCM	-	304.028.492.000
Ngân hàng Vietcombank An Giang	76.500.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Phát triển CN An Giang (Quỹ Hỗ Trợ)	52.000.000.000	86.400.000.000
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	64.900.000.000	123.000.000.000
Công ty Cổ phần Biển Đông	4.800.000.000	4.800.000.000
Cá nhân	10.000.000.000	10.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.133.448.900	33.510.331.800
Cộng	<u>420.033.448.900</u>	<u>761.738.823.800</u>

11. Phải trả người bán

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Phải trả trong nước	137.075.588.741	152.548.963.033
Phải trả nước ngoài	726.935.318	185.453.498
Cộng	<u>137.802.524.059</u>	<u>152.734.416.531</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Khách hàng trong nước	7.159.918.173	3.910.000.559
Khách hàng nước ngoài	11.307.585.924	10.688.628.544
Cộng	<u>18.467.504.097</u>	<u>14.598.629.103</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Thuế GTGT	3.592.050.965	4.737.976.995
Thuế xuất nhập khẩu	1.304.461.604	1.891.598.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.165.364	5.606.553.782
Thuế thu nhập cá nhân	(188.415.203)	4.725.081
Cộng	<u>7.508.262.730</u>	<u>12.240.854.178</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mớ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**15. Chi phí phải trả**

Chi phí lương tháng 13 phải trả cho công nhân viên.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Hàng chờ hoá đơn	3.699.908.766	1.133.645.201
Bảo hiểm xã hội phải nộp	487.381.126	449.424.148
Cổ tức phải trả	3.628.779.600	15.130.407.200
Phải trả phải nộp khác	19.986.080.430	6.427.147.813
Cộng	<u>27.802.149.922</u>	<u>23.140.624.362</u>

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Quỹ hỗ trợ phát triển An Giang (a)	7.337.132.664	7.337.132.664
Ngân hàng An Bình Cần Thơ (b)	63.385.327.200	63.385.327.200
Cộng	<u>70.722.459.864</u>	<u>70.722.459.864</u>

a, Khoản vay Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển An Giang theo Hợp đồng vay số 08/HTPT. TĐDP 2004 ngày 22 tháng 4 năm 2004, chi tiết:

- + Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Thái Bình Dương
- + Số tiền vay : 78.000.000.000 VNĐ
- + Thời hạn vay : 6 năm
- + Thời hạn rút vốn : Năm 2004 và 2005

b, Khoản vay An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

- + Số tiền vay : 270.000.000.000 VNĐ
- + Thời hạn vay : 6 năm

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 31/12/2008	660.000.000.000	611.965.459.100	27.417.629.848	340.915.123.337	16.013.604.902
Tăng trong kỳ				17.534.339.567	9.450.000
Giảm trong kỳ				79.311.335.680	926.933.999
Số dư tại ngày 31/03/2009	<u>660.000.000.000</u>	<u>611.965.459.100</u>	<u>27.417.629.848</u>	<u>279.138.127.224</u>	<u>15.096.120.903</u>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ

Tổng số cổ phần : 66.000.000 CP

Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng trong kỳ là do tạm trích theo quyết định của Hội đồng quản trị:
10.000.000.000đ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
Doanh thu thuần bán thành phẩm	250.390.303.182	587.007.443.108
Doanh thu thuần bán hàng hoá, dịch vụ	140.489.670.466	113.261.232.318
Cộng	<u>390.879.973.648</u>	<u>700.268.675.426</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	294.776.386.697	465.840.788.889
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	113.776.494.413	86.070.487.545
Cộng	<u>408.552.881.110</u>	<u>551.911.276.434</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.708.821.246	14.352.069.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.160.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.327.094.207	6.409.057.985
Cộng	<u>13.035.915.453</u>	<u>22.921.127.485</u>

4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
Lãi vay	18.097.103.252	6.636.165.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá	996.138.142	13.002.814.910
Chi phí khác	-	-
Cộng	<u>19.093.241.394</u>	<u>19.638.980.556</u>

5. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
Cước tàu, vận chuyển	22.614.725.046	59.016.716.607
Chi phí khác	8.353.713.823	5.981.404.391
Cộng	<u>30.968.438.869</u>	<u>64.998.120.998</u>

6. Chi phí QLDN

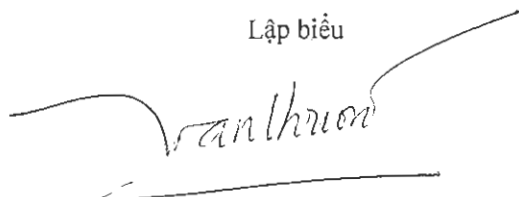
	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
Khấu hao	1.802.164.642	1.094.354.687
Chi phí quản lý khác	5.278.755.337	8.271.165.344
Cộng	<u>7.080.919.979</u>	<u>9.365.520.031</u>

Lập biểu

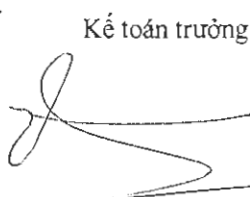
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2009

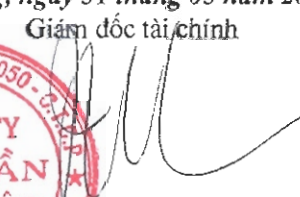
Giám đốc tài chính



Trần Thùy Vương



Doãn Văn Nho

Nguyễn Duy Nhứt